

Số: 06 /2018/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 28 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 18/TTr-SLĐTBXH ngày 24/01/2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau và một số cơ quan quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy, cơ quan tài chính.

b) Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau.

**Điều 2. Mức đóng góp của người tự nguyện chữa trị, cai nghiện**

1. Tiền ăn: 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và tiền thuốc chữa bệnh thông thường khác: 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

3. Tiền xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
4. Tiền sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm.
5. Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.
6. Tiền đóng góp xây dựng: 500.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
7. Tiền phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng.

### **Điều 3. Đối tượng miễn, giảm và chế độ miễn, giảm**

#### 1. Đối tượng miễn

Người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được miễn toàn bộ các khoản đóng góp theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

#### 2. Đối tượng giảm

Giảm 50% các khoản đóng góp đối với người tự nguyện cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau thuộc diện hộ vừa thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ có mức sống trung bình.

### **Điều 4. Điều kiện xác định đối tượng miễn, giảm**

1. Các nhóm đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo phải nằm trong danh sách quản lý của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
2. Đối với đối tượng thuộc diện gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật phải có giấy tờ liên quan chứng minh.
3. Đối với đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, sau khi tiếp nhận đơn xin cai nghiện tự nguyện, trong thời hạn 07 ngày, Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người nghiện nộp đơn xin cai nghiện tự nguyện để xác minh hoàn cảnh.
4. Đối với những đối tượng thuộc diện hộ vừa thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ có mức sống trung bình, Giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét.

### **Điều 5. Quản lý và chi tiêu nguồn kinh phí**

1. Đối với nguồn kinh phí do người tự nguyện cai nghiện đóng góp, do Cơ sở cai nghiện ma túy tiếp nhận, quản lý và thực hiện việc chi theo đúng mục đích, đảm bảo việc thanh quyết toán đúng quy định.
2. Trường hợp người cai nghiện tự nguyện chấm dứt hợp đồng sớm hơn thời gian trong hợp đồng thì Cơ sở cai nghiện ma túy phải hoàn trả lại số tiền dư mà người cai nghiện tự nguyện đã đóng góp.

## **Điều 6. Kinh phí bù đắp các khoản chi được miễn, giảm**

1. Đối với khoản chi phí được miễn, giảm cho từng đối tượng được đảm bảo chi bù từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống kê đối tượng, định mức chi đã được miễn, giảm theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này, lập văn bản báo cáo Sở Tài chính duyệt chi bù đắp các khoản miễn, giảm theo quy định.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2018 và thay thế Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định mức hỗ trợ, các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VXT18;
- Lưu VT. Tr 06/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Thân Đức Hưởng**